

Số: /KH-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2021

## **KẾ HOẠCH**

### **Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030**

Căn cứ Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc;

Căn cứ Kết luận số 65-KL/TW, ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về việc “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới”;

Căn cứ Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 của Quốc hội khóa XIV phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 120/2020/QH14, ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-CP, ngày 15/02/2020 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP, ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 1409/QĐ-TTg, ngày 15/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 160-KH/TU, ngày 30/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 65-KL/TW, ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới;

Căn cứ Chương trình số 12-CTr/TU ngày 30/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030”;

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TU, ngày 25/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về thực hiện công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030;

Nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế và tinh thần tự lực vươn lên của đồng bào các dân tộc để phát triển nhanh, bền vững, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2030, cụ thể như sau:

## **I. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập so với bình quân chung của cả tỉnh và cả nước; giảm dần số xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn; quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; xây dựng nông thôn mới ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới quốc gia; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

### **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025**

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số hàng năm giảm trên 3%; phấn đấu giảm 10% số xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn; 55% số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới.

- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 70% thôn, buôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa. 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 97,5% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; sắp xếp, bố trí ổn định 90% số hộ di cư không theo quy hoạch. Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí 60% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đến trường đạt trên 99%; tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,98%, học sinh cấp tiểu học học đúng độ tuổi đạt 98%, học sinh tiểu học trong độ tuổi ra lớp đạt 99,5%; tỷ lệ trẻ trong độ tuổi (từ 11-14 tuổi) học trung học cơ sở trên 98%; tỷ lệ thanh thiếu niên trong độ tuổi (từ 15-18 tuổi) học trung học phổ thông trên 60%; trên 90% người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông.

- Tăng cường công tác y tế để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. Trên 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 20%.

- 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số.

- Bảo tồn và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 85% thôn, buôn có Nhà văn hóa cộng đồng; 50% thôn, buôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương.

### **3. Định hướng mục tiêu đến năm 2030**

- Phấn đấu giảm 20% số xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn; 70% số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hằng năm thu hút 3% lao động sang làm các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đến 2030 có 40% lao động người dân tộc thiểu số biết làm các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ.

- Phần đầu có 80% số hộ nông dân người dân tộc thiểu số làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa.

- Xóa tình trạng nhà ở tạm, dột nát; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái; duy trì, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng.

- Trên 85% số xã, thôn, buôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

- Giải quyết căn bản tình trạng di cư không theo kế hoạch trong đồng bào dân tộc thiểu số. Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở.

## II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

**1. Tập trung thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (sau đây viết tắt là Chương trình),** gồm 10 dự án thành phần:

(1) Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

(2) Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết.

(3) Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

(4) Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc.

(5) Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

(6) Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

(7) Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.

(8) Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.

(9) Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn.

(10) Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Chương trình theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản liên quan đến quản lý, điều hành, hướng dẫn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; công tác kiểm tra, giám sát của Ban chỉ đạo các cấp trong quá trình triển khai, thực hiện Chương trình đảm bảo đúng mục tiêu đã được phê duyệt.

- Ưu tiên bố trí vốn cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, có đông đồng bào dân tộc thiểu số, các xã an toàn khu, xã biên giới thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện tốt chính sách tín dụng ưu đãi đối với đồng bào dân tộc thiểu số, bố trí hợp lý các nguồn lực, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng.

- Kịp thời tuyên dương, khen thưởng những điển hình tiên tiến, tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; khuyến khích, hỗ trợ các mô hình khởi nghiệp sáng tạo, hiệu quả cao để phổ biến, áp dụng thí điểm trên địa bàn một số xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trên cơ sở đó tổng kết, đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm để từng bước nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

## **2. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh**

- Hình thành và phát triển vùng chuyên canh tập trung với quy mô hợp lý, chú trọng phát triển sản xuất cây trồng, vật nuôi có giá trị; phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản theo mô hình trang trại, gia trại ở những địa bàn phù hợp, tạo sản phẩm đặc sản, độc đáo thay thế cho sản phẩm cao sản, đại trà để nâng cao giá trị và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đồng thời, chú trọng phát triển công nghiệp chế biến nông sản tại chỗ tạo ra các sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; có giải pháp đột phá đối với rừng nghèo kiệt, đất quy hoạch rừng sản xuất.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng các ngành nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ. Đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, phát triển lĩnh vực ngành nghề thủ

công nghệ; ưu tiên các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản; công nghiệp hỗ trợ; hỗ trợ phát triển sản xuất các sản phẩm có thị trường xuất khẩu; sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số. Hỗ trợ nông dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng loại cây trồng, vật nuôi. Khai thác thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên, văn hóa, ẩm thực độc đáo, đặc sắc của các dân tộc trong tỉnh để đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái, trải nghiệm; du lịch cộng đồng; du lịch lịch sử - văn hóa, phát triển sản phẩm du lịch “xanh”, tôn trọng yếu tố tự nhiên và văn hóa địa phương ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Xác định liên kết vùng và kết nối kinh tế là động lực cho phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Phát triển hạ tầng truyền dẫn phát sóng đồng bộ, đảm bảo chuyển tải được các dịch vụ phát thanh, truyền hình, viễn thông và công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của người dân tộc thiểu số.

- Tạo môi trường thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và giảm nghèo bền vững; vốn FDI; vốn đầu tư từ ngoài tỉnh; tăng cường các hoạt động xúc tiến quảng bá các sản phẩm mới, nhất là các sản phẩm nông sản. Nâng cao khả năng tiêu thụ hàng hóa cho nông dân, khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế tìm kiếm phát triển thị trường. Tiếp tục củng cố, phát triển hệ thống phân phối hàng hóa của các doanh nghiệp, nhất là ở địa bàn nông thôn, vùng dân tộc thiểu số trên cơ sở mở rộng mạng đại lý, phát triển các hợp tác xã hoạt động đa chức năng.

### **3. Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là động lực chính của tăng trưởng kinh tế**

Chủ động chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào phát triển sản xuất, lựa chọn các loại giống, cây trồng, vật nuôi cho năng suất cao, có giá trị kinh tế và có cơ chế đầu ra cho sản phẩm; hỗ trợ đồng bào phát huy tiềm năng, thế mạnh, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất cây trồng, vật nuôi phù hợp, tạo sản phẩm hàng hóa, nâng cao thu nhập để thoát nghèo bền vững, làm giàu chính đáng; đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, đẩy mạnh liên kết tổ chức sản xuất các sản phẩm chủ lực theo chuỗi giá trị nhằm làm tăng khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản, theo hướng hiện đại, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng và xuất khẩu. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong phát triển các kênh phân phối và thương mại điện tử.

#### **4. Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế**

Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo nguồn nhân lực, tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị và cán bộ làm công tác dân tộc ở các cấp, các ngành; chú trọng công tác phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số gắn với xây dựng và phát huy hiệu quả vai trò của lực lượng cốt cán, già làng, trưởng buôn, người có uy tín; góp phần củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở, đảm bảo nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Tăng cường hợp tác quốc tế để vận động các nguồn viện trợ hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho tỉnh nhằm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

#### **5. Phát triển văn hóa, xã hội thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số**

- Huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư, phát triển cơ sở vật chất trường, lớp các cấp học, nhất là các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh. Phát triển các hình thức giáo dục nghề nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán dân cư trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Dạy nghề theo nhu cầu của xã hội và thị trường lao động, đặc biệt là nhu cầu lao động ở các lĩnh vực là thế mạnh của tỉnh. Chú trọng đào tạo và cung ứng lao động có kỹ thuật làm việc trong các khu công nghiệp. Đẩy mạnh bồi dưỡng kiến thức về kỹ năng để thanh niên đồng bào dân tộc thiểu số đáp ứng được yêu cầu công việc tại các khu công nghiệp, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, gắn với xuất khẩu lao động.

- Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở theo hướng tinh gọn, hiệu quả; phát triển hệ thống y tế dự phòng, mạng lưới nhân viên y tế thôn, buôn, cơ sở y tế quân - dân y kết hợp. Thực hiện chính sách y tế, chăm sóc sức khỏe và dân số cho đồng bào dân tộc thiểu số theo 3 nhóm: Ưu tiên giải quyết các vấn đề sức khỏe của đồng bào dân tộc thiểu số; Tăng cường khả năng tiếp cận cũng như cung cấp dịch vụ y tế, dân số có chất lượng cho đồng bào dân tộc thiểu số; Giảm gánh nặng chi phí chăm sóc sức khỏe cho người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường hướng dẫn các biện pháp vệ sinh phòng bệnh, tăng cường truyền thông về các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm, các biện pháp kế hoạch hóa gia đình, vấn đề bình đẳng giới, tác hại

của tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống. Triển khai các chương trình tiêm chủng mở rộng, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, khơi dậy các phong trào luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khoẻ, tầm vóc, thể lực của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, chữ viết, tập quán, tín ngưỡng truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số; tăng thời lượng và nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc thiểu số; hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở vùng dân tộc thiểu số; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở địa phương; tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa, thông tin; nâng cao chất lượng tuyên truyền, vận động chống các biểu hiện mê tín, dị đoan, suy thoái đạo đức, lối sống; xây dựng, phát triển phong trào thể dục thể thao vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là các môn thể thao truyền thống, trò chơi dân gian, từ đó phát triển thành sản phẩm du lịch tại các địa phương; tổ chức hội thi, ngày hội văn hóa thể thao, tạo sân chơi cho đồng bào các dân tộc thiểu số.

## **6. củng cố, tăng cường xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

- Tập trung tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số tích cực tham gia phong trào quần chúng toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia, đấu tranh phòng, chống tội phạm; xây dựng, củng cố lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên trên các địa bàn chiến lược, trọng điểm, khu vực biên giới, vùng căn cứ cách mạng. Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, vô hiệu hóa chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch nhằm phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; âm mưu, ý đồ, hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để lừa gạt, lôi kéo, kích động đồng bào dân tộc thiểu số tham gia các hoạt động chống phá, gây rối an ninh, trật tự. Phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, đối ngoại quân sự, đối ngoại biên phòng, đối ngoại công an, ngoại giao văn hóa, đặc biệt là với lực lượng vũ trang tỉnh Monduliri (Vương quốc Campuchia) để đấu tranh với các hoạt động ly khai, tự trị dân tộc, vượt biên trái phép; đảm bảo an ninh, trật tự tuyến biên giới; phòng chống tội phạm về ma túy, buôn bán người; phòng chống khủng bố...

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Ban Dân tộc**



- Là cơ quan chủ trì, điều phối các hoạt động của Kế hoạch; đề xuất, xây dựng và thực hiện các chính sách, đề án, nhiệm vụ cụ thể về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hướng dẫn các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch theo chức năng, thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của ngành, địa phương.

- Đơn đốc, kiểm tra, rà soát các nhiệm vụ và định kỳ hàng năm tổng hợp tình hình, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (trước ngày 15/12) để bổ sung các nhiệm vụ mới, đặc biệt là các nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025; tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện Kế hoạch.

**2. Sở Tài chính:** Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Ban Dân tộc và các Sở, ngành, đơn vị liên quan có ý kiến về nguồn kinh phí thực hiện các chính sách, đề án thuộc nội dung Kế hoạch theo quy định; căn cứ dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch và khả năng cân đối ngân sách, xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí dự toán chi ngân sách nhà nước để thực hiện Kế hoạch.

**3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Ban Dân tộc và các Sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí vốn, hướng dẫn lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện các chính sách, đề án thuộc nội dung Kế hoạch theo quy định; tăng cường hợp tác, huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

#### **4. Các Sở, ngành liên quan**

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện, trong đó xác định rõ các chỉ tiêu, nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở, ngành.

- Nghiên cứu, đề xuất, xây dựng các chính sách, đề án, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Căn cứ thời hạn quy định và tiến độ xây dựng từng chính sách, đề án, nhiệm vụ cụ thể, các Sở, ngành chủ động đăng ký Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh để phê duyệt và triển khai kịp thời, đáp ứng yêu cầu thực tế.

- Lồng ghép dự án phát triển của ngành, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác với các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch này để triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

#### **5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Căn cứ vào điều kiện thực tế, các địa phương ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện; đồng thời, chủ động xây dựng, phê duyệt và triển khai các chính

sách, đề án, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của địa phương bảo đảm kịp thời, hiệu quả.

- Tổ chức huy động các nguồn lực, lồng ghép các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn với các nhiệm vụ của Kế hoạch này để triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

### **5. Báo Đắc Lắc, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh**

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đặc biệt là đối với vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn.

### **IV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

Định kỳ hàng năm các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này về UBND tỉnh (qua Ban Dân tộc). Giao Ban Dân tộc tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch này, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 01/12 hàng năm.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, những khó khăn, vướng mắc (nếu có) vượt thẩm quyền giải quyết hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các cơ quan, đơn vị chủ động đề xuất, gửi Ban Dân tộc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Đắc Lắc;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm QLCTTDT tỉnh;
- Lưu: VT, NC (Vn.12b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Y Giang Gry Niê Knong**